

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

HỘI THẢO KHOA HỌC

**NỘI DUNG VÀ GIẢI PHÁP VẬN DỤNG SÁNG TẠO TƯ TƯỞNG
HỒ CHÍ MINH VÀO VIỆC GIÁO DỤC TINH THẦN DÂN TỘC,
KHÁT VỌNG PHÁT TRIỂN ĐẤT NƯỚC CHO
SINH VIÊN VIỆT NAM HIỆN NAY**

Hà Nội, ngày 6/8/2025

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

BAN TỔ CHỨC

Trưởng ban:	<i>TS. Phí Mạnh Phong</i>
Ủy viên thư ký:	<i>ThS. Nguyễn Thị Thu Hương</i>
Ủy viên:	<i>TS. Trần Thị Phúc An</i>
	<i>ThS. Nguyễn Thị Kim Dung</i>
	<i>ThS. Bùi Thị Thùy Dương</i>

LỜI NÓI ĐẦU

Tinh thần dân tộc và khát vọng phát triển là hai động lực cốt lõi hình thành nên bản sắc, sức mạnh và sự trường tồn của mỗi quốc gia. Nhờ có tinh thần dân tộc chân chính và khát vọng giải phóng dân tộc mà Hồ Chí Minh đã ra đi tìm đường cứu nước. Không chỉ dừng lại ở mục tiêu giành độc lập dân tộc, Hồ Chí Minh luôn hướng tới mục tiêu cuối cùng là bảo đảm các quyền cơ bản và mang lại hạnh phúc cho nhân dân nhằm xây dựng một nước Việt Nam dân chủ và giàu mạnh.

Trong bối cảnh toàn cầu hóa và cạnh tranh khốc liệt giữa các quốc gia như hiện nay, yếu tố nội sinh – đặc biệt là niềm tin dân tộc và ý chí vươn lên – đóng vai trò quyết định trong việc xác lập vị thế quốc gia trên trường quốc tế. Do đó việc tìm hiểu, phân tích và đề xuất những giải pháp cụ thể để vận dụng sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh về tinh thần dân tộc và khát vọng giải phóng, phát triển đất nước nhằm giáo dục sinh viên Việt Nam trở thành những con người vừa “hồng”, vừa “chuyên”, khơi dậy ở họ tinh thần sẵn sàng công hiến trí tuệ, sức khỏe, sức trẻ vào công cuộc xây dựng đất nước hiện nay là một vấn đề có ý nghĩa lý luận và thực tiễn sâu sắc.

Xuất phát từ điều đó, Nhóm nghiên cứu Đề tài KH&CN cấp Bộ Giáo dục và Đào tạo, mã số B2024-MDA-01 đã lựa chọn chủ đề: **“Nội dung và giải pháp vận dụng sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh vào việc giáo dục tinh thần dân tộc, khát vọng phát triển đất nước cho sinh viên Việt Nam hiện nay”** để tiến hành hội thảo nhằm tạo ra ra một môi trường bổ ích kết nối các nhà khoa học, các chuyên gia, giảng viên và sinh viên có quan tâm đến vấn đề này.

Ban Tổ chức trân trọng cảm ơn các nhà khoa học, các chuyên gia và giảng viên đã quan tâm, gửi báo cáo và đăng ký tham gia Hội thảo. Trân trọng cảm ơn Ban Khoa học, Ban Biên tập và các nhà khoa học phản biện đã rất nỗ lực trong việc đọc, góp ý, lựa chọn và biên tập các báo cáo để nâng cao chất lượng, đáp ứng yêu cầu chuyên môn và góp phần vào thành công của Hội thảo này.

BAN TỔ CHỨC

MỤC LỤC

LỜI NÓI ĐẦU	01
1. TINH THẦN DÂN TỘC, VÀ KHÁT VỌNG ĐỘC LẬP, TỰ DO, XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN ĐẤT NƯỚC CỦA NHÂN DÂN VIỆT NAM TRONG LỊCH SỬ ĐẦU TRANH DỰNG NƯỚC VÀ GIỮ NƯỚC.	
<i>Nguyễn Thị Thu Hương</i>	04
2. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ TINH THẦN DÂN TỘC	
<i>Bùi Thị Thùy Dương</i>	15
3. QUAN ĐIỂM CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM VỀ TINH THẦN DÂN TỘC, KHÁT VỌNG PHÁT TRIỂN ĐẤT NƯỚC	
<i>Nguyễn Thị Kim Dung</i>	23
4. NHÂN TỐ QUỐC TẾ TÁC ĐỘNG ĐẾN TINH THẦN DÂN TỘC, KHÁT VỌNG PHÁT TRIỂN ĐẤT NƯỚC CỦA SINH VIÊN VIỆT NAM HIỆN NAY	
<i>Phí Mạnh Phong</i>	42
5. NHỮNG NHÂN TỐ TRONG NƯỚC TÁC ĐỘNG ĐẾN TINH THẦN DÂN TỘC, KHÁT VỌNG PHÁT TRIỂN ĐẤT NƯỚC CỦA SINH VIÊN VIỆT NAM HIỆN NAY	
<i>Phí Mạnh Phong</i>	48
6. NỘI DUNG VẬN DỤNG TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ TINH THẦN DÂN TỘC, KHÁT VỌNG PHÁT TRIỂN ĐẤT NƯỚC VÀO VIỆC GIÁO DỤC SINH VIÊN HIỆN NAY	
<i>Trần Thị Phúc An</i>	57
7. VẬN DỤNG TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VÀO VIỆC PHÁT HUY VAI TRÒ CỦA GIA ĐÌNH TRONG GIÁO DỤC Ý THỨC DÂN TỘC, KHƠI DẬY KHÁT VỌNG CỐNG HIẾN CỦA THANH NIÊN, SINH VIÊN HIỆN NAY	
<i>Đào Ngọc Anh</i>	67
8. ỨNG DỤNG KHOA HỌC CÔNG NGHỆ HIỆN ĐẠI VÀO VIỆC NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC TINH THẦN DÂN TỘC, KHÁT VỌNG PHÁT TRIỂN ĐẤT NƯỚC CHO SINH VIÊN VIỆT NAM HIỆN NAY	
<i>Nguyễn Đức Khiêm</i>	81

9. MỘT SỐ GIẢI PHÁP VỀ XÂY DỰNG CƠ CHẾ, CHÍNH SÁCH ĐỂ VẬN DỤNG VÀ PHÁT TRIỂN SÁNG TẠO TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ TINH THẦN DÂN TỘC, KHÁT VỌNG PHÁT TRIỂN ĐẤT NƯỚC CHO SINH VIÊN HIỆN NAY	
<i>Nguyễn Đức Khiêm, Đinh Thị Thúy Hương</i>	91
10. MỘT SỐ ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ NHẪM VẬN DỤNG SÁNG TẠO TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VÀO VIỆC GIÁO DỤC TINH THẦN DÂN TỘC, KHÁT VỌNG PHÁT TRIỂN ĐẤT NƯỚC CHO SINH VIÊN VIỆT NAM HIỆN NAY.	
<i>Lã Quý Đô</i>	103

TINH THẦN DÂN TỘC, KHÁT VỌNG ĐỘC LẬP, TỰ DO, XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN ĐẤT NƯỚC CỦA NHÂN DÂN VIỆT NAM TRONG LỊCH SỬ ĐẤU TRANH DỰNG NƯỚC VÀ GIỮ NƯỚC

Ths. Nguyễn Thị Thu Hương,

Trường Đại học Mở - Địa chất

Tóm tắt: Bài viết tập trung làm rõ tinh thần dân tộc và khát vọng độc lập, tự do, xây dựng và phát triển đất nước của nhân dân Việt Nam trong lịch sử đấu tranh dựng nước và giữ nước. Đây là những giá trị cốt lõi, bền vững, đã hun đúc nên bản lĩnh, ý chí và sức mạnh đoàn kết của dân tộc Việt Nam qua các thời kỳ, từ những thời kỳ đầu lập quốc, qua các cuộc kháng chiến chống ngoại xâm đến công cuộc đổi mới và hội nhập quốc tế hiện nay. Nội dung bài viết phân tích cụ thể biểu hiện của tinh thần dân tộc và khát vọng phát triển trong từng giai đoạn lịch sử. Trên cơ sở đó, khẳng định việc kế thừa phát huy truyền thống dân tộc là điều kiện thiết yếu để xây dựng một Việt Nam hiện đại, độc lập, hùng cường trong bối cảnh toàn cầu hóa hiện nay.

Từ khóa: Tinh thần dân tộc; khát vọng độc lập, tự do; lịch sử dựng nước và giữ nước,...

1. PHẦN MỞ ĐẦU

Tinh thần dân tộc và khát vọng độc lập, tự do, xây dựng và phát triển đất nước là giá trị cốt lõi, xuyên suốt chiều dài lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc Việt Nam. Từ thời Văn Lang – Âu Lạc, qua các cuộc kháng chiến chống ngoại xâm đến công cuộc đổi mới và hội nhập quốc tế, những giá trị này đã trở thành động lực mạnh mẽ, định hình bản sắc và sức mạnh của dân tộc.

Trong bối cảnh hiện nay, đất nước đang chuyển mình mạnh mẽ, hướng tới mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh và hội nhập sâu rộng với thế giới, việc nhìn lại và làm rõ nguồn gốc, biểu hiện, giá trị cũng như vai trò của tinh thần dân tộc, khát vọng độc lập, tự do trong lịch sử xây dựng và phát triển đất nước của nhân dân Việt Nam trong lịch sử đấu tranh dựng nước và giữ nước không chỉ có ý nghĩa lý luận mà còn mang tính thời sự và chiến lược. Bởi lẽ, chỉ khi hiểu đúng và phát huy được sức mạnh tinh thần truyền thống, chúng ta mới có thể xây dựng được bản lĩnh quốc gia, củng cố lòng tự hào dân tộc và khơi dậy khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc và góp phần nuôi dưỡng tinh thần yêu nước, trách nhiệm công dân, khát vọng phát triển trong thời đại mới.

2. NỘI DUNG

2.1. Tinh thần dân tộc và khát vọng độc lập, tự do, xây dựng và phát triển đất nước trong giai đoạn dựng nước và giữ nước (Trước thế kỷ X)

Thời kỳ dựng nước và giữ nước đầu bắt đầu từ nhà nước Văn Lang - Âu Lạc (khoảng thế kỷ 7 TCN - 258 TCN), đánh dấu sự hình thành ý thức dân tộc Việt Nam. Huyền thoại “con rồng cháu tiên” phản ánh sự gắn kết về huyết thống và văn hóa. Từ năm 111 TCN, Việt Nam rơi vào hơn 1.000 năm Bắc thuộc dưới các triều đại phong kiến Trung Hoa (Hán, Đông Ngô, Đường). Chính sách cai trị hà khắc, bóc lột kinh tế, và đồng hóa văn hóa của ngoại bang gây đau thương cho nhân dân, nhưng cũng khơi dậy tinh thần dân tộc và khát vọng độc lập, tự do, thể hiện qua các cuộc khởi nghĩa Hai Bà Trưng (năm 40), khởi nghĩa Bà Triệu (năm 248), khởi nghĩa Lý Bí (năm 542 – thành lập nhà nước Vạn Xuân), khởi nghĩa Mai Thúc Loan (năm 722), đặc biệt chiến thắng của Ngô Quyền trên sông Bạch Đằng năm 938 là dấu mốc lịch sử khép lại thời kỳ Bắc thuộc và mở đầu cho kỷ nguyên độc lập, tự chủ lâu dài của dân tộc Việt Nam.

Trong suốt giai đoạn này, mặc dù chưa có nền độc lập ổn định về mặt nhà nước, nhưng tinh thần dân tộc đã phát triển rõ rệt dưới hình thức ý thức phản kháng ngoại xâm, bảo vệ văn hóa bản địa và khát vọng giành lại quyền tự quyết. Đây chính là giai đoạn “thai nghén” quan trọng, đặt nền móng cho sự hình thành bản sắc dân tộc Việt Nam và tinh thần yêu nước sâu sắc về sau.

2.2. Tinh thần dân tộc và khát vọng độc lập, tự do, xây dựng và phát triển đất nước giai đoạn từ thế kỷ X đến thế kỷ XIX

Thế kỷ X đánh dấu bước ngoặt lịch sử khi Ngô Quyền đánh bại quân Nam Hán trong trận Bạch Đằng năm 938. Sử dụng chiến thuật cắm cọc gỗ dưới sông, Ngô Quyền đã tiêu diệt hoàn toàn đạo quân xâm lược, chấm dứt hơn 1.000 năm Bắc thuộc. Chiến thắng này không chỉ khẳng định độc lập mà còn thể hiện trí tuệ và tinh thần đoàn kết của nhân dân Việt Nam. Ngô Quyền xưng vương, đặt nền móng cho nhà nước phong kiến tập quyền, mở ra thời kỳ tự chủ lâu dài.

Nhà Đinh, dưới sự lãnh đạo của Đinh Bộ Lĩnh, tiếp tục củng cố độc lập bằng cách thống nhất đất nước sau thời kỳ 12 sứ quân. Đinh Bộ Lĩnh đặt tên nước là Đại Cồ Việt, lập kinh đô tại Hoa Lư, xây dựng quân đội và hệ thống hành chính. Việc xưng

hoàng đế và thiết lập quan hệ ngoại giao với nhà Tống cho thấy khát vọng tự cường và ý chí khẳng định chủ quyền của dân tộc [3, tr150].

Thời Lý (1010 - 1225), cuộc kháng chiến chống Tống (1075-1077) do Lý Thường Kiệt lãnh đạo là cột mốc quan trọng. Với chiến thuật “tiên phát chế nhân” Lý Thường Kiệt đánh phủ đầu quân Tống tại Ung Châu, sau đó tổ chức phòng thủ trên sông Như Nguyệt. Bài thơ “Nam quốc sơn hà” được đọc tại đây, khẳng định chủ quyền thiêng liêng của Đại Việt, được coi là bản tuyên ngôn độc lập đầu tiên. Chiến thắng này không chỉ bảo vệ lãnh thổ mà còn nâng cao vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế [3, tr245-247].

Thời Trần (1225 - 1400), ba lần kháng chiến chống Nguyên - Mông (1258, 1285, 1287-1288) là đỉnh cao của tinh thần dân tộc. Dưới sự lãnh đạo của Trần Hưng Đạo, nhân dân Đại Việt đã đánh bại đạo quân hùng mạnh nhất thế giới thời bấy giờ. Chiến thắng Bạch Đằng năm 1288, với chiến thuật cọc gỗ tương tự thời Ngô Quyền, là minh chứng cho trí tuệ và sự đoàn kết của dân tộc. “Hịch tướng sĩ” của Trần Hưng Đạo đã khơi dậy lòng yêu nước, kêu gọi toàn dân đồng lòng chống giặc. Tinh thần “sát Thát” không chỉ là ý chí chiến đấu mà còn là biểu tượng của khát vọng tự do [3, tr320-323].

Thế kỷ XV, cuộc khởi nghĩa Lam Sơn (1418-1427) do Lê Lợi lãnh đạo đã đánh bại quân Minh, khôi phục độc lập. Với chiến thuật du kích và sự ủng hộ của nhân dân, Lê Lợi đã giải phóng đất nước sau gần 20 năm bị đô hộ. Bài “Bình Ngô đại cáo” của Nguyễn Trãi, được viết năm 1428, không chỉ tuyên bố độc lập mà còn nhấn mạnh tư tưởng nhân nghĩa, khát vọng hòa bình và quyền tự chủ của dân tộc. Tác phẩm này là một kiệt tác văn học, khẳng định tinh thần dân tộc và ý chí tự cường của người Việt [5, tr10-12].

Các triều đại Lý, Trần, Lê không chỉ chú trọng giữ nước mà còn xây dựng văn hóa đậm chất Việt Nam. Thời Lý, Văn Miếu - Quốc Tử Giám được xây dựng năm 1070, trở thành trung tâm giáo dục và biểu tượng của tinh thần hiếu học. Phật giáo được phát triển mạnh mẽ, với các công trình như chùa Một Cột, tháp Báo Thiên, thể hiện sự giao thoa văn hóa và bản sắc dân tộc.

Thời Trần, văn học chữ Nôm bắt đầu phát triển, với các tác phẩm như Hịch tướng sĩ của Trần Hưng Đạo và thơ văn của Trần Nhân Tông. Những tác phẩm này không chỉ khơi dậy lòng yêu nước mà còn khẳng định ngôn ngữ và văn hóa Việt Nam trước sự ảnh

hưởng của văn hóa Hán học. Thời Lê sơ, Quốc âm thi tập của Nguyễn Trãi và các tác phẩm văn học khác tiếp tục nuôi dưỡng tinh thần dân tộc, nhấn mạnh giá trị nhân nghĩa và lòng tự hào dân tộc.

Các lễ hội, tín ngưỡng và phong tục thời kỳ này, như hội Gióng, hội Lim, cũng góp phần củng cố ý thức cộng đồng. Nghệ thuật kiến trúc, điêu khắc và âm nhạc dân gian phát triển, tạo nên một nền văn hóa phong phú, phản ánh khát vọng tự do và bản sắc riêng của người Việt. Những thành tựu văn hóa này không chỉ là tài sản tinh thần mà còn là động lực để nhân dân đoàn kết, vượt qua khó khăn trong các cuộc kháng chiến [7, tr70-73]

Từ thế kỷ XVI trở đi, đất nước rơi vào thời kỳ phân tranh Lê – Trịnh – Nguyễn, tuy vẫn giữ được độc lập nhưng quốc gia suy yếu. Dù vậy, các nỗ lực giữ gìn bản sắc văn hóa, củng cố biên cương, mở rộng lãnh thổ về phía Nam vẫn thể hiện tinh thần dựng nước, giữ nước không ngừng nghỉ.

Cuối thế kỷ XVIII, phong trào Tây Sơn nổi lên lật đổ các thế lực phong kiến cũ, thống nhất đất nước, đánh tan quân Xiêm (1785) và quân Thanh (1789), bảo vệ vững chắc nền độc lập dân tộc. Chiến thắng Ngọc Hồi – Đống Đa (1789) là đỉnh cao của tinh thần quật khởi và tài năng quân sự Việt Nam. [6, tr220-240]

Triều Nguyễn (1802 - 1945) là triều đại cuối cùng của chế độ phong kiến độc lập. Bên cạnh những hạn chế về chính sách đối ngoại bảo thủ, triều Nguyễn vẫn có công trong việc củng cố chủ quyền, xây dựng hệ thống hành chính từ Bắc vào Nam, bảo vệ Hoàng Sa – Trường Sa qua các tư liệu như Đại Nam thực lục, Hoàng Sa chư đảo chí lược [4, tr35-55].

Từ thế kỷ XIX, trước áp lực từ các nước phương Tây, nền độc lập dân tộc rơi vào thử thách nghiêm trọng, dẫn đến việc Việt Nam dần bị mất chủ quyền vào tay thực dân Pháp. Tuy nhiên, tinh thần dân tộc và khát vọng tự do vẫn tiếp tục âm ỉ và bùng cháy trong các cuộc khởi nghĩa, đặt nền móng cho các phong trào đấu tranh sau này.

2.3. Tinh thần dân tộc và khát vọng độc lập, tự do, xây dựng và phát triển đất nước giai đoạn 1858 đến 1945

Từ năm 1858, thực dân Pháp xâm lược Việt Nam, biến nước ta thành thuộc địa của Pháp. Tiếp nối sự nghiệp dựng nước và giữ nước của các bậc tiền nhân, khi thực

dân Pháp nổ súng xâm lược Việt Nam, các tầng lớp nhân dân ta đã liên tiếp vùng dậy tiếp nối truyền thống đấu tranh bất khuất chống giặc ngoại xâm. Tiêu biểu là phong trào Cần Vương với các cuộc khởi nghĩa Ba Đình (Nga Sơn, Thanh Hóa), Bãi Sậy (Hưng Yên, Hải Dương, Bắc Ninh), Hương Khê (Hà Tĩnh); khởi nghĩa Yên Thế;... vào đầu thế kỷ XX, với tầm nhìn xa, vượt trội so với tư duy cùng thời, những chí sĩ yêu nước như Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh đã cùng với những người đồng chí hướng khởi xướng phong trào Đông Du và công cuộc Duy Tân - bước đi tiên phong trong việc thực nghiệm con đường cứu nước mới của phong trào yêu nước Việt Nam. Mặc dù không thành công song con đường đó đã đánh dấu sự chuyển mình của tinh thần dân tộc, thể hiện khát vọng canh tân, hiện đại hóa đất nước, đưa Việt Nam vào hàng ngũ các quốc gia tiến bộ trong thời đại của các bậc tiền nhân lúc đó.

Sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam năm 1930, dưới sự lãnh đạo của Nguyễn Ái Quốc (Hồ Chí Minh), là bước ngoặt lịch sử. Với đường lối cách mạng rõ ràng, Đảng đã tập hợp sức mạnh toàn dân, từ nông dân, công nhân đến trí thức, để đấu tranh giành độc lập. Tác phẩm Đường Kách Mệnh của Nguyễn Ái Quốc đã đặt nền móng tư tưởng, nhấn mạnh vai trò của đoàn kết và cách mạng vô sản trong sự nghiệp giải phóng dân tộc.

Đảng Cộng sản Việt Nam đã lãnh đạo nhiều phong trào lớn, như Xô Viết Nghệ Tĩnh (1930 - 1931), cao trào dân chủ (1936 - 1939) và Mặt trận Việt Minh (1941). Những phong trào này không chỉ khơi dậy lòng yêu nước mà còn xây dựng lực lượng cách mạng vững mạnh, chuẩn bị cho cuộc tổng khởi nghĩa sau này. Tinh thần dân tộc, dưới sự dẫn dắt của Đảng, đã chuyển hóa thành sức mạnh tập thể, với mục tiêu rõ ràng là giành độc lập và xây dựng một xã hội công bằng.

Cách mạng Tháng Tám 1945 là đỉnh cao của tinh thần dân tộc và khát vọng độc lập. Tận dụng thời cơ Nhật đầu hàng Đồng minh, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản và Mặt trận Việt Minh, nhân dân Việt Nam đã đứng lên giành chính quyền. Chỉ trong thời gian ngắn từ ngày 14/8 đến 28/8/1945, các cuộc khởi nghĩa tại Hà Nội, Huế, Sài Gòn và nhiều địa phương khác đã lật đổ chính quyền tay sai Nhật và thực dân Pháp.

Ngày 2/9/1945, tại Quảng trường Ba Đình, Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc Tuyên ngôn Độc lập, tuyên bố thành lập nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Bản Tuyên ngôn không chỉ khẳng định quyền tự do của dân tộc mà còn nhấn mạnh tinh thần đoàn kết và

khát vọng hòa bình. Lời kêu gọi của Hồ Chí Minh đã khơi dậy ý chí toàn dân, chuẩn bị cho những thử thách mới trong giai đoạn bảo vệ độc lập sau này.

Cách mạng Tháng Tám là minh chứng cho sức mạnh của tinh thần dân tộc khi được tổ chức và dẫn dắt đúng đắn. Nó không chỉ chấm dứt ách thống trị của thực dân, phong kiến mà còn mở ra một kỷ nguyên mới, với khát vọng xây dựng đất nước tự do, dân chủ và phồn vinh.

2.4. Tinh thần dân tộc và khát vọng độc lập, tự do, xây dựng và phát triển đất nước giai đoạn 1945 - 1975

Phát huy tinh thần bất diệt của bản Tuyên ngôn Độc lập, dưới ngọn cờ độc lập và tự do, cách mạng Việt Nam đã từng bước giành được những thắng lợi có ý nghĩa lịch sử và tầm vóc thời đại. Ngay sau khi giành được chính quyền chưa bao lâu, dân tộc ta lại phải đối mặt với âm mưu quay trở lại xâm lược của thực dân Pháp núp bóng quân Đồng minh. Một lần nữa, khát vọng độc lập, tự do trỗi dậy mãnh liệt trong trái tim của triệu người dân đất Việt. Với khí phách của một dân tộc từng trải qua hàng nghìn năm chống ngoại xâm, toàn thể nhân dân ta đã nhất tề đứng lên chiến đấu, thể hiện rõ ý chí sắt đá qua lời hiệu triệu của Chủ tịch Hồ Chí Minh: “Thà hy sinh tất cả chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ” [2, tr9].

Trong suốt 9 năm kháng chiến trường kỳ, quân và dân ta kiên cường chiến đấu với ý chí sắt đá, tinh thần tự lực tự cường, làm nên Chiến thắng Điện Biên Phủ năm 1954, kết thúc cuộc chiến tranh xâm lược của thực dân Pháp. Đó là thắng lợi của chính nghĩa, của lòng yêu nước và của khát vọng sống trong một đất nước độc lập thật sự, không chỉ trên danh nghĩa, mà bằng xương máu của nhân dân.

Sau Hiệp định Giơ-ne-vơ, nước ta tạm thời bị chia cắt. Miền Bắc đi lên chủ nghĩa xã hội, miền Nam tiếp tục đấu tranh dưới gót giày của đế quốc Mỹ và chế độ tay sai. Trong hoàn cảnh đó, khát vọng độc lập chuyển hóa thành khát vọng lớn hơn - thống nhất non sông, hoàn tất sự nghiệp giải phóng dân tộc. Tư tưởng Hồ Chí Minh tiếp tục soi đường: “Dù phải gian lao kháng chiến, nhưng với một lòng kiên quyết hy sinh, thắng lợi nhất định về dân tộc ta!”. Trải qua những chặng đường đầy hy sinh và thử thách, từ Phong trào Đồng khởi, Tổng tiến công Tết Mậu Thân, đến Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử, nhân dân Việt Nam đã giành thắng lợi hoàn toàn trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, đưa đất nước bước sang kỷ nguyên độc lập, thống nhất. Chiến thắng 1975

không chỉ là chiến công hiển hách, mà còn là kết tinh lịch sử của một khát vọng lớn lao, nhất quán: “Toàn thể dân Việt Nam quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mệnh và của cải để giữ vững quyền tự do và độc lập ấy”.

Đại thắng mùa Xuân năm 1975 là sự hiện thực hóa khát vọng độc lập, tự do và thống nhất đất nước của nhân dân Việt Nam. Khát vọng đó đã được ươm mầm từ những ngày đầu khi Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời, khi Cách mạng Tháng Tám năm 1945 thành công, được hun đúc qua những năm tháng chiến đấu gian khổ của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược. Dân tộc Việt Nam đã phải trải qua hy sinh to lớn, nhưng đầy vinh quang để giành lại độc lập, tự do, thống nhất đất nước. Tuy nhiên, trong suốt những năm tháng đó, khát vọng độc lập, tự do, thống nhất đất nước chưa bao giờ phai nhạt. Ngay cả khi các thế lực thù địch tìm mọi cách chia rẽ dân tộc, thì ý chí, khát vọng độc lập, tự do, thống nhất đất nước vẫn luôn hiện hữu trong lòng mỗi người dân Việt Nam. Từ miền Bắc đến miền Nam, từ đồng bào trong nước đến đồng bào ta ở nước ngoài, ai ai cũng mong muốn một ngày đất nước được hòa bình, thống nhất, không còn chia cắt.

Trên cơ sở khát vọng độc lập, tự do, thống nhất đất nước của toàn dân tộc, với đường lối kháng chiến tự chủ, sáng suốt, đúng đắn, Đảng ta đã huy động được sức mạnh vô song của toàn dân tộc, bao gồm cả sức mạnh vật chất và sức mạnh tinh thần, sức mạnh của lòng yêu nước nồng nàn, sức mạnh của của đất nước nghìn năm văn hiến cho kháng chiến chống đế quốc Mỹ xâm lược. Đồng thời, kiên định giương cao ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, với quan điểm đoàn kết quốc tế thủy chung, trong sáng, Đảng ta đã phát huy hiệu quả sức mạnh dân tộc kết hợp với sức mạnh thời đại. Đại thắng mùa Xuân năm 1975 chính là biểu tượng của khát vọng độc lập, tự do, thống nhất đất nước, là sự kết thúc vẻ vang của giai đoạn lịch sử đầy gian khổ, thử thách, mở ra một thời kỳ mới cho dân tộc Việt Nam - thời kỳ độc lập, cả nước tiến lên chủ nghĩa xã hội và tiếp tục là điểm tựa cho niềm tin, ý chí, khát vọng quyết thắng của toàn dân tộc trong bối cảnh hiện nay.

2.5. Tinh thần dân tộc và khát vọng độc lập, tự do, xây dựng và phát triển đất nước giai đoạn 1975 đến nay

Bước ra khỏi chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, đất nước ta một lần nữa phải đối mặt nhiều khó khăn thử thách do nền kinh tế xuất phát điểm thấp, lại bị chiến tranh tàn phá

nặng nề, việc xác định hướng đi trong giai đoạn mới và tư duy phát triển kinh tế - xã hội còn nhiều ngỡ ngàng. Nhưng với tinh thần và khát vọng “Khó khăn nào cũng vượt qua, kẻ thù nào cũng đánh thắng”, toàn Đảng, toàn quân và toàn dân ta đã đoàn kết từng bước khắc phục khó khăn từng bước vươn lên thoát ra khỏi khủng hoảng.

Nếu như trong giai đoạn 1930 - 1975, mục tiêu trọng yếu của dân tộc là giành và giữ vững độc lập, thì từ sau năm 1975, khát vọng phát triển đất nước, nâng cao đời sống nhân dân trở thành nhiệm vụ trung tâm. Đây là dấu mốc mở ra kỷ nguyên thống nhất, đổi mới và phát triển (1975 - 2025).

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng (12/1986) mở ra con đường đổi mới toàn diện đất nước với ý chí và khát vọng đưa đất nước ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội, thoát khỏi cảnh đói nghèo. Vượt qua biết bao khó khăn trong nước, sự bao vây cấm vận của nước ngoài, sự sụp đổ của chế độ xã hội chủ nghĩa ở nhiều nước, Việt Nam vững bước trên con đường đổi mới, xây dựng chủ nghĩa xã hội với những thành tựu to lớn được thế giới khâm phục. Sau gần 40 năm đổi mới, Việt Nam đã chuyển mình từ nền kinh tế bao cấp, kém phát triển trở thành một điểm sáng tăng trưởng trong khu vực. Năm 1986, GDP Việt Nam chỉ khoảng 8 tỉ USD; đến năm 2023 đã vượt 430 tỉ USD, bình quân đầu người đạt gần 4.300 USD. Việt Nam hiện là nền kinh tế lớn thứ 5 Đông Nam Á, đứng thứ 35 thế giới, thuộc nhóm các nền kinh tế có độ mở cao nhất toàn cầu. Đời sống người dân được cải thiện rõ rệt; quốc phòng, an ninh, đối ngoại và uy tín quốc tế tiếp tục được củng cố. Đại hội XIII của Đảng (01/2021) với tầm nhìn xa, tư duy chiến lược đã có những quyết sách quan trọng đưa đất nước phát triển nhanh và bền vững. Đại hội đã xác định lộ trình cụ thể: Đến năm 2025, là nước đang phát triển có công nghiệp theo hướng hiện đại, vượt qua mức thu nhập trung bình thấp. Đến năm 2030, kỷ niệm 100 năm thành lập Đảng, là nước đang phát triển có công nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình cao; đến năm 2045, Kỷ niệm 100 năm thành lập Nước (nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa nay là nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam), trở thành nước phát triển, thu nhập cao, theo định hướng xã hội chủ nghĩa [1, tr112-113]. Để thực hiện được khát vọng và tầm nhìn ấy, Đại hội XIII xác định: “Động lực và nguồn lực phát triển quan trọng của đất nước là khơi dậy mạnh mẽ tinh thần yêu nước, ý chí tự cường dân tộc, sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc và khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc” [1, tr25]. Khơi dậy động lực tinh thần to lớn, vô song của dân

tộc, con người Việt Nam; khơi dậy khát vọng phát triển đất nước, xây dựng đất nước phồn vinh hạnh phúc; khơi dậy và phát huy giá trị văn hóa, tài năng, trí tuệ, phẩm chất đạo đức, sức mạnh của con người Việt Nam là trung tâm, là mục tiêu, là nguồn lực nội sinh, là động lực quan trọng nhất để đạt tới các mục tiêu của phát triển đất nước đến giữa thế kỷ XXI.

Năm 2025, Việt Nam đặt mục tiêu tăng trưởng GDP từ 8% trở lên, quy mô nền kinh tế vượt 500 tỉ USD, GDP bình quân đầu người đạt trên 5.000 USD. Cùng với đó là yêu cầu cắt giảm ít nhất 30% điều kiện đầu tư kinh doanh không cần thiết, 30% thời gian và chi phí thực hiện thủ tục hành chính. Đây không chỉ là các chỉ tiêu phát triển trước mắt, mà là bước đi cụ thể để hiện thực hóa khát vọng vươn lên mạnh mẽ của dân tộc trong giai đoạn phát triển mới.

Với thế và lực đã được tích lũy qua gần 40 năm đổi mới, đất nước ta đang bước vào một giai đoạn phát triển mới - kỷ nguyên vươn mình của dân tộc. Những thành tựu lịch sử đạt được qua hai kỷ nguyên đấu tranh và lao động sáng tạo bền bỉ đã tạo nên nền tảng vững chắc để Việt Nam bước vào kỷ nguyên thứ ba, bắt đầu từ Đại hội lần thứ XIV của Đảng. Đây là kỷ nguyên phát triển và giàu mạnh dưới sự lãnh đạo của Đảng, hướng tới xây dựng thành công một nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Mục tiêu cuối cùng là dân giàu, nước mạnh, xã hội dân chủ, công bằng, văn minh, đủ sức sánh vai cùng các cường quốc năm châu. Trong kỷ nguyên mới này, ưu tiên hàng đầu là thực hiện thắng lợi các mục tiêu chiến lược: đến năm 2030, Việt Nam trở thành nước đang phát triển có công nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình cao; đến năm 2045, trở thành quốc gia phát triển, thu nhập cao theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Tổng Bí thư Tô Lâm nhấn mạnh: “Văn kiện Đại hội XIV phải đề ra được định hướng chiến lược nhằm giải phóng toàn bộ sức sản xuất, phát huy tối đa nội lực, tranh thủ ngoại lực; lấy nguồn lực con người làm nền tảng, khoa học - công nghệ và đổi mới sáng tạo làm đột phá.” [9] Kỷ nguyên mới đòi hỏi một sự đột phá kép: vừa tiến thẳng vào hiện đại, công nghệ số; vừa xử lý dứt điểm những điểm nghẽn đang cản trở phát triển. Triết lý chính trị ở đây là rõ ràng: khơi dậy và hiện thực hóa khát vọng phát triển của dân tộc.

Khát vọng vươn mình hôm nay là sự kết tinh ở tầm cao mới của khát vọng độc lập, tự do, được cụ thể hóa bằng mục tiêu phát triển toàn diện và bền vững. Từ Tuyên ngôn Độc lập năm 1945, thống nhất đất nước 1975, đổi mới 1986 đến kỳ vọng 2045,

dân tộc Việt Nam chưa bao giờ ngừng khát vọng: từ giành độc lập, đến kiến thiết, đến vươn mình khẳng định tầm vóc quốc gia. Kỷ nguyên vươn mình không chỉ là khẩu hiệu chính trị, mà là một tất yếu khách quan của lịch sử, là biểu hiện cụ thể của một dân tộc tự tin, hội tụ đủ điều kiện để gia nhập hàng ngũ các quốc gia phát triển. Như Tổng Bí thư Tô Lâm khẳng định: “Kỷ nguyên vươn mình hàm ý tạo sự chuyển động mạnh mẽ, dứt khoát, quyết liệt, tích cực, nỗ lực, nội lực, tự tin để vượt qua thách thức, vượt qua chính mình, thực hiện khát vọng, vươn tới mục tiêu, đạt được nhiều thành tựu vĩ đại” [8], hay “Kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc Việt Nam, đó là kỷ nguyên phát triển, kỷ nguyên giàu mạnh dưới sự lãnh đạo, cầm quyền của Đảng Cộng sản, xây dựng thành công nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa, dân giàu, nước mạnh, xã hội dân chủ, công bằng, văn minh, sánh vai với các cường quốc năm châu. Mọi người dân đều có cuộc sống ấm no, hạnh phúc, được hỗ trợ phát triển, làm giàu; đóng góp ngày càng nhiều cho hòa bình, ổn định, phát triển của thế giới, hạnh phúc của nhân loại và văn minh toàn cầu” [10].

KẾT LUẬN

Trong suốt chiều dài lịch sử, tinh thần dân tộc và khát vọng độc lập, tự do, xây dựng và phát triển đất nước luôn là sợi chỉ đỏ xuyên suốt, kết nối quá khứ với hiện tại và tương lai của dân tộc Việt Nam. Từ thời kỳ dựng nước đầu tiên, qua các cuộc kháng chiến chống ngoại xâm, đến công cuộc giữ gìn bản sắc và phát triển đất nước trong thời bình, ý chí tự cường và tinh thần đoàn kết dân tộc là cội nguồn sức mạnh, là nền tảng để vượt qua mọi thử thách.

Thế hệ trẻ Việt Nam hôm nay cần kế thừa và phát huy tinh thần dân tộc, biến khát vọng độc lập, tự do thành hành động cụ thể. Học tập, sáng tạo và cống hiến là cách để giới trẻ góp phần xây dựng đất nước giàu mạnh. Việc giữ gìn bản sắc văn hóa, nâng cao tri thức và trách nhiệm xã hội sẽ giúp Việt Nam tiếp tục vươn xa, khẳng định vị thế trong cộng đồng quốc tế. Tinh thần dân tộc, với ngọn lửa bất diệt, sẽ mãi là kim chỉ nam cho hành trình phát triển của dân tộc Việt Nam.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Tập 1, NXB Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
- [2] Hồ Chí Minh (2011), *Hồ Chí Minh Toàn tập, Tập 4*, NXB Chính trị quốc gia – Sự thật, Hà Nội.
- [3] Ngô Sĩ Liên (1998), *Đại Việt Sử Ký Toàn Thư*, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội.
- [4] Nguyễn Đình Đầu (2014), *Tư liệu Hoàng Sa – Trường Sa*, NXB Tổng hợp thành phố Hồ Chí Minh, TP. Hồ Chí Minh.
- [5] Nguyễn Trãi (1428), *Bình Ngô Đại Cáo*, bản dịch của Viện Văn học, Hà Nội.
- [6] Phan Huy Lê (chủ biên) (2015), *Lịch sử Việt Nam, Tập II*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
- [7] Trần Trọng Kim (1971), *Việt Nam Sử Lược*, NXB Tân Việt, Hà Nội.
- [8] Tổng Bí thư Tô Lâm (2024), *Phát biểu chuyên đề “Kỷ nguyên phát triển mới – Kỷ nguyên vươn mình của dân tộc Việt Nam”*, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh. Truy cập tại: https://www.tapchicongsan.org.vn/media-story/-/asset_publisher/V8hnp4dK31Gf/....
- [9] Tổng Bí thư Tô Lâm (2024), *Phát biểu tại cuộc họp Thường trực Tiểu ban Văn kiện Đại hội XIV của Đảng*. Truy cập tại: <https://nhandan.vn/special/cuoc-hop-Thuong-truc-Tieu-ban-Van-kien-Dai-hoi-XIV-cua-Dang/index.html>
- [10] Tạp chí Cộng sản (2024), *Tổng Bí thư Tô Lâm trao đổi chuyên đề “Kỷ nguyên phát triển mới – Kỷ nguyên vươn mình của dân tộc Việt Nam”*. Truy cập tại: <https://www.tapchicongsan.org.vn/thong-tin-ly-luan/...>